

Bản án số: 503/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Lê Văn Phú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Triết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 593/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 619/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981, cư trú: tổ 31, ấp AT, TT AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1981 cư trú: tổ 31, ấp AT, TT AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà H có mặt, ông R vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị H trình bày: Hôn nhân của ông bà là do mai mối, được hai bên gia đình đồng ý đứng ra tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân TT AP vào ngày 29/4/2008. Sau khi kết hôn về chung sống tại TT AP, cuộc sống tuy vất vả nhưng cũng được xem là hạnh phúc.

Sống chung với nhau đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa. Nguyên nhân là do ông R không chăm lo cho gia đình, ông cờ bạc, gây nợ nần, khi bà lên tiếng khuyên ngăn thì ông to tiếng dùng Nều lời lẽ xúc phạm. Gia đình hai bên cũng đã hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tiên N, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 19/8/2013, hiện do bà H chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Quá trình giải quyết vụ án, hòa giải Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông R các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình tR hôn nhân của bà H, ông R để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Cháu Nguyễn Thị Yến N1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 27/10/2020: Cháu là con ruột của bà H và ông R, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cháu đã nghỉ học. Trong quá trình chung sống cha mẹ thường xuyên tranh cãi, hiện nay không còn chung sống nữa nên mẹ quyết định xin ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 20/11/2020 được ông Nguyễn Hữu L – Trưởng ấp AT cho biết: Hiện ông Nguyễn Văn R không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vào dịp lễ tết mới về thăm gia đình. Tuy nhiên hộ khẩu của ông R vẫn ở tại ấp AT, TT AP.

Tại biên bản xác minh ngày 27/10/2020 được chị Nguyễn Thị Tiên N – con ruột của bà H , ông R cho biết: Quá trình chung sống bà H và ông R nhiều lần tranh cãi nhau về việc ông R cờ bạc gây nợ nần, bà H nhiều lần đứng ra thanh toán nhưng ông R không thay đổi. Bà H và ông R đã không chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, ông R không liên lạc với gia đình. Bà H nhận thấy không hàn gắn được nữa nên quyết định ly hôn.

Tại phiên tòa, bà H có mặt bảo lưu ý kiến. Riêng ông R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình ghi lời khai, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn R. Ông R cư trú trên địa bàn huyện An Phú nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, ông R vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà H và ông R mặc dù do mai mối nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT AP vào ngày 29/4/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông R, thì thấy: Bà H và ông R đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2018 đến nay, bản thân bà H thừa nhận nhiều lần hai vợ chồng xảy ra tranh cãi được hai bên gia đình hàn gắn nhưng ông bà vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau, ông R nhiều năm nay không về thăm gia đình và ly thân, bà nhận thấy không có khả năng quay về chung sống nên bà ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông R đã được triệu tập để tham gia các phiên hoà giải nhưng vắng mặt, điều này cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa bà H không đồng ý đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, các bên đã không thực hiện trọn vẹn nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tiên N, sinh năm 2000 và Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày

19/8/2013, hiện cháu Tiên N đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu Yến N1 do bà H nuôi dạy.

Xét yêu cầu về con chung sau khi ly hôn của bà H thì thấy: Cháu N1 hiện đang do bà H trực tiếp nuôi dạy và có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Yến N1 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên bà H không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33 ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân TT AP không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 19/8/2013; công nhận tự nguyện của bà H không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông R trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004766 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà H đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND TT An Phú, AP, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo